

Bản án số: 55/2021/HS-ST

Ngày: 28-4-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Phơ.

Các Hội thẩm Nhân dân:

Bà Nguyễn Kim Hồng

Bà Tống Thị Kim Điền

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Duyên - Thư ký Tòa án Nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2021 tại Phòng xử án Tòa án Nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 35/2021/TLST-HS ngày 12 tháng 3 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2021/QĐXXST-HS ngày 05/4/2021 đối với bị cáo:

Lê Đức Trường G, tên gọi khác: /, sinh năm 1980 tại tỉnh Quảng Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Th, xã H, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; nơi cư trú: Số S đường L, phường K, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; họ và tên cha: Lê Trường C, họ và tên mẹ: Ngô Thị H; có vợ đã ly hôn và có 01 người con sinh năm 2008; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/10/2020; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Lê Đức Trường G: Ông Nguyễn Cao T là Luật sư Văn phòng luật sư A thuộc Đoàn Luật sư TP Hồ Chí Minh.

Người bị hại: Ông Nguyễn Trung H, sinh năm 1981; địa chỉ: Số M đường P, Khu phố H, phường M, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Bà Nguyễn Thị Thanh L, sinh năm 1981; địa chỉ: Số E đường Đ, phường K, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 15 giờ 30 phút ngày 27/10/2020, Lê Đức Trường G điều khiển xe máy biển số 50T2-7093, hiệu Jupiter, màu đen xám đen cửa hàng điện thoại di động T tại địa chỉ: Số M đường P, Khu phố H, phường M, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, mục đích chiếm đoạt điện thoại di động. Tại đây, G gặp anh Nguyễn Trung H là chủ cửa hàng, G giả vờ hỏi anh H mua điện thoại di động, anh H đưa cho G một cái điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A9, giá bán 4.000.000 đồng. Nhận được điện thoại, lợi dụng sơ hở của anh H, G chiếm đoạt điện thoại di động trên, nhanh chóng ra xe gắn máy, điều khiển chạy ra đường P hướng đi huyện B để tẩu thoát. Anh H tri hô “Cướp, cướp”, cùng người dân tiến hành truy đuổi; khi đến hẻm A xã K, huyện B; G bị anh H cùng người đi đường bắt giữ.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 7, Lê Đức Trường G thừa nhận hành vi phạm tội như trên.

Kết luận định giá số 448/KL-HĐĐGTTTHS ngày 08/12/2020 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự Ủy ban Nhân dân Quận 7 kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A9, đã qua sử dụng, có giá trị 4.100.000 đồng.

Vật chứng vụ án: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A9; 01 (một) xe máy biển số 50T2-7093, nhãn hiệu Jupiter, màu xám đen bạc.

Tại Bản Cáo trạng số 29/CT-VKSQ7 ngày 12/3/2021 Viện kiểm sát Nhân dân Quận 7 đã truy tố Lê Đức Trường G về tội “Cướp giật tài sản” theo Khoản 1 Điều 171 Bộ Luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát Nhân dân Quận 7 vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố Lê Đức Trường G phạm tội “Cướp giật tài sản”. Áp dụng Khoản 1 Điều 171; điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê Đức Trường G từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù. Đề nghị xử lý vật chứng theo quy định. Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì nên đề nghị không xét.

Tại phiên tòa, trong phần tranh luận Luật sư bào chữa cho bị cáo trình bày: Thống nhất với Cáo trạng số 29/CT-VKSQ7 ngày 12/3/2021 của Viện kiểm sát Nhân dân Quận 7 truy tố bị cáo về tội “Cướp giật tài sản” theo Khoản 1 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, là đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật. Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, ngoài ra bị cáo là phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng theo quy định tại điểm i Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, tại phiên tòa người bị

hại cũng đã đề nghị cho bị cáo hưởng mức án khoan hồng, nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2, khoản 3 Điều 54 Bộ luật Hình sự và Điều 2 Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo tuyên xử bị cáo mức hình phạt là 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi cướp giật tài sản phù hợp với nội dung bản cáo trạng Viện kiểm sát Nhân dân Quận 7 đã truy tố, không tự bào chữa, không tranh luận và đã thể hiện sự ăn năn hối cải, đề nghị được giảm nhẹ hình phạt.

- Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa;
- Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, luật sư.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận 7, Điều tra viên, Viện kiểm sát Nhân dân Quận 7, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ Luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, đương sự không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh và hình phạt:

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như sau: Bị cáo đến cửa hàng bán điện thoại di động của ông Nguyễn Trung H với mục đích chiếm đoạt tài sản, lợi dụng sự sơ hở của chủ cửa hàng, bị cáo chiếm đoạt điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A9 rồi nhanh chóng tẩu thoát, nhưng đã bị ông Nguyễn Trung H và người đi đường truy đuổi bắt giữ được bị cáo cùng tang vật. Hành vi phạm tội của bị cáo đã hoàn thành, nên có đủ cơ sở kết luận bị cáo đã phạm vào tội cướp giật tài sản theo quy định tại Khoản 1 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 như cáo trạng Viện kiểm sát Nhân dân Quận 7 truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo thực hiện có dự mưu với lỗi cố ý trực tiếp, thể hiện sự liều lĩnh táo bạo, là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến quyền sở hữu hợp pháp tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội, do đó, cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi và mức độ phạm tội đủ để cải tạo giáo dục bị cáo và ngăn ngừa chung trong xã hội.

[3] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo: Bị cáo có nhân thân tốt. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên Hội đồng xét xử xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[4] Căn cứ vào nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, khi lượng hình, Hội đồng xét xử xem xét quyết định mức hình phạt cho tương xứng với tính chất vụ án, hành vi phạm tội của bị cáo. Đồng thời, Hội đồng xét xử đã xem xét các tình tiết: Tại phiên tòa, người bị hại đề nghị xem xét để bị cáo được hưởng mức án khoan hồng, tài sản đã được thu hồi trả lại cho chủ sở hữu, bị cáo phạm tội lần đầu, để áp dụng quy định pháp luật về mức án nhẹ hơn cho bị cáo theo quy định tại Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do bị cáo phạm tội cướp giật tài sản theo quy định tại Khoản 1 Điều 171 Bộ luật Hình sự có mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội phạm này là đến 05 năm tù thuộc trường hợp nghiêm trọng, nên không được áp dụng tình tiết phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng như luật sư Luật sư bào chữa cho bị cáo đã đề nghị.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì khác về dân sự, nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Xử lý vật chứng:

+ Cơ quan điều tra đã trả 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A9x cho người bị hại.

+ 01 (một) xe máy biển số 50T2-7093, nhãn hiệu Jupiter, màu xám đen, số khung RLCJ2S110-6Y017532, số máy: 2S11-017532, xe do bà Nguyễn Thị Thanh L đứng tên chủ sở hữu. Bà L khai: Bà và Lê Đức Trường G là vợ chồng, đã ly hôn, xe trên bị cáo G mua để đi lại nhưng do không có hộ khẩu ở Thành phố Hồ Chí Minh, nên bị cáo G nhờ bà L đứng tên, nhưng xe thì bị cáo sử dụng từ khi mua đến nay, bà L không có yêu cầu gì đối với chiếc xe. Bị cáo cũng khai nhận do chưa có hộ khẩu tại Thành phố Hồ Chí Minh nên nhờ bà L đứng tên chủ sở hữu xe mua từ năm 2006 và bị cáo sử dụng từ đó đến nay. Bị cáo sử dụng xe làm phương tiện để thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[7] Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Lê Đức Trường G phạm tội “Cướp giật tài sản”.

1. Áp dụng Khoản 1 Điều 171; Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Bị cáo Lê Đức Trường G 01 (một) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 27/10/2020.

2. Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 (một) xe máy biển số 50T2-7093, nhãn hiệu Jupiter, màu xám đen, số khung RLCJ2S110-6Y017532, số máy: 2S11-017532.

(Theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số 60 ngày 25/02/2021).

3. Về án phí: Áp dụng các Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, bị cáo được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm đến Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm đến Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Về quyền, nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp Tp. HCM;
- VKSND Quận 7;
- Công an Quận 7;
- Chi cục THADS Q.7;
- Bị cáo, các đương sự;
- Lưu: sổ án, VT, HS (TK Duyên).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Phơ